

THÔNG BÁO ĐIỂM XÉT TUYỂN NGUYỆN VỌNG BỔ SUNG (ĐỢT 1)
TUYỂN SINH ĐẠI HỌC – CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY NĂM 2014

STT	Ngành	Mã ngành	Khối thi	Điểm xét tuyển	Số lượng
I Đào tạo trình độ đại học					
A/ Các ngành đào tạo đại học sư phạm					
1.	Giáo dục Chính trị	D140205	A	13,0	10
			C	13,0	10
			D1	13,0	10
2.	ĐHSP Ngữ văn (THPT)	D140217	C	13,0	5
			D1	13,0	5
3.	ĐHSP Địa lí	D140219	A	13,0	20
			C	13,0	20
4.	ĐHSP Tiếng Anh (*)	D140231	D1	17,0	15
B/ Các ngành đào tạo đại học (ngoài sư phạm)					
5.	Cử nhân Việt Nam học	D220113	C	13,0	35
			D1	13,0	35
6.	Cử nhân Lịch sử	D220310	C	13,0	20
			D1	13,0	20
7.	Ngôn ngữ Trung(*)	D220204	D1	17,0	40
			D4	17,0	20
8.	Cử nhân Văn học	D220330	C	13,0	25
			D1	13,0	25
9.	Cử nhân Kinh tế	D310101	A	13,0	130
			A1	13,0	90
			D1	13,0	130
10.	Cử nhân Quản trị Kinh doanh	D340101	A	13,0	40
			A1	13,0	20
			D1	13,0	40
11.	Cử nhân Tài chính – Ngân hàng	D340201	A	13,0	30
			A1	13,0	20
			D1	13,0	30
12.	Sinh học	D420101	A	13,0	25
			B	14,0	25
13.	Công nghệ sinh học	D420201	A	13,0	15
			B	14,0	15
14.	Cử nhân Toán học	D460101	A	13,0	30
			A1	13,0	20
15.	Truyền thông và mạng máy tính	D480102	A	13,0	35
			A1	13,0	25
16.	Hệ thống thông tin	D480104	A	13,0	30
			A1	13,0	20

STT	Ngành	Mã ngành	Khối thi	Điểm xét tuyển	Số lượng
17.	Công nghệ thông tin	D480201	A	13,0	25
			A1	13,0	15
18.	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	D510103	A	13,0	100
			A1	13,0	50
19.	Công nghệ chế tạo máy cơ khí	D510202	A	13,0	40
			A1	13,0	20
20.	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	D510203	A	13,0	40
			A1	13,0	20
21.	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	D510301	A	13,0	65
			A1	13,0	35
22.	Công nghệ kỹ thuật hóa	D510401	A	13,0	25
			B	14,0	25
23.	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	D520216	A	13,0	40
			A1	13,0	30
24.	Kiến trúc (*)	D580102	V	16,0	40
25.	Khoa học cây trồng	D620110	A	13,0	20
			B	14,0	20
26.	Cử nhân Công tác xã hội	D760101	C	13,0	40
			D1	13,0	40
II Đào tạo trình độ cao đẳng					
27.	CD Giáo dục mầm non	C140201	M	10,0	100
28.	CDSP Vật Lí	C140211	A	10,0	15
			A1	10,0	10
29.	CDSP Hóa học	C140212	A	10,0	10
			B	11,0	15
30.	CDSP Ngữ Văn	C140217	C	10,0	15
			D1	10,0	15
31.	CD Kinh tế	C310101	A	10,0	15
			A1	10,0	10
			D1	10,0	15
32.	CD Quản trị Kinh doanh	C340101	A	10,0	15
			A1	10,0	10
			D1	10,0	15
33.	CD Tài chính ngân hàng	C340201	A	10,0	15
			A1	10,0	10
			D1	10,0	15
34.	CD Kế toán	C340301	A	10,0	15
			A1	10,0	10
			D1	10,0	15
35.	CD Quản trị Văn phòng	C340406	C	10,0	12
			D1	10,0	13
36.	CD Công nghệ Kỹ thuật xây dựng	C510103	A	10,0	15
			A1	10,0	15
37.	CD Công nghệ thông tin	C480201	A	10,0	13
			A1	10,0	12

STT	Ngành	Mã ngành	Khối thi	Điểm xét tuyển	Số lượng
38.	CD Công tác xã hội	C760101	C	10,0	15
			D1	10,0	15

Ghi chú:

- Điểm xét tuyển trên là điểm xét tuyển với đối tượng HSPT, khu vực 3 (KV3). Các khu vực kế tiếp giảm 0,5 điểm, các nhóm đối tượng ưu tiên kế tiếp giảm 1,0 điểm.
- Các ngành sư phạm chỉ xét tuyển thí sinh có hộ khẩu Hải Phòng.
- Các ngành có dấu (*) là điểm được nhân hệ số.
- Chỉ xét tuyển với thí sinh dự thi Đại học với các khối tương ứng theo đề thi chung của Bộ GD&ĐT.
- Nhận GCN kết quả thi bản gốc trong thời gian từ 20/8/2014 đến 08/9/2014 (tính theo dấu bưu điện)
- Công bố kết quả trúng tuyển vào trước ngày 11/9/2014, nếu còn chỉ tiêu Nhà trường sẽ thông báo điều kiện xét tuyển cho đợt bổ sung tiếp theo.

CHỦ TỊCH HĐQT – HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT;
- Website Trường Đại học Hải Phòng;
- Dân Thông báo;
- Lưu HĐQT.

(đã ký)

PGS.TS Phạm Văn Cường